

Số: 486 /TB-THPTCCVA

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026 và chuyên đề học tập, môn học lựa chọn của học sinh lớp 10 năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 568/QĐ-GDĐT, ngày 04/4/2025 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc giao chỉ tiêu kế hoạch tuyển sinh lớp 10 cho các trường trung học phổ thông công lập và công lập tự chủ năm học 2025-2026;

Căn cứ căn cứ kế hoạch chiến lược phát triển và tình hình thực tiễn của nhà trường (các câu lạc bộ sở thích và năng khiếu của học sinh; số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên; cơ sở vật chất,...);

Căn cứ Kết luận của Hội đồng Ban Giám hiệu ngày 18/4/2025;

Trường THPT chuyên Chu Văn An thông báo chỉ tiêu tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026, chuyên đề học tập, môn học lựa chọn của học sinh lớp 10 năm học 2025-2026 và cách tổ chức lớp như sau:

- Với những môn chuyên có 02 lớp: Được tổ chức đồng đều, cân đối về sĩ số, giới tính, điểm xét tuyển.
- Ngoài 08 môn học bắt buộc (Toán, Văn, Ngoại ngữ, Lịch sử, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Giáo dục địa phương), mỗi lớp có chuyên đề học tập và môn học lựa chọn như sau:

TT	Lớp chuyên	Số lượng	Chuyên đề học tập	Môn học lựa chọn
1	10 Toán	35	Toán, Vật lí, Hóa học	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
2	10 Lí	35	Toán, Vật lí, Hoá học	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (CN)
3	10 Hóa	35	Toán, Hoá học, Sinh học	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (CN)
4	10 Tin	35	Toán, Vật lí, Tin học (KHMT)	Vật lí, Hóa học, Tin học, Công nghệ (CN)

TT	Lớp chuyên	Số lượng	Chuyên đề học tập	Môn học lựa chọn
5	10 Sinh 1	35	Toán, Hóa học, Sinh học	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (NN)
6	10 Sinh 2	35	Toán, Hóa học, Sinh học	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ (NN)
7	10 Văn 1	35	Toán, Văn, Lịch sử	Vật lí, Hóa học, Địa lí, GDKT&PL
8	10 Văn 2	35	Toán, Văn, Địa lí	Vật lí, Hóa học, Địa lí, GDKT&PL
9	10 Sử 1	35	Toán, Văn, Lịch sử	Vật lí, Hóa học, Địa lí, GDKT&PL
10	10 Sử 2	35	Toán, Văn, Lịch sử	Vật lí, Hóa học, Địa lí, GDKT&PL
11	10 Địa 1	35	Toán, Văn, Địa lí	Vật lí, Hóa học, Địa lí, GDKT&PL
12	10 Địa 2	35	Toán, Văn, Địa lí	Vật lí, Hóa học, Địa lí, GDKT&PL
13	10 Anh 1	35	Toán, Văn, Tin học	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
14	10 Anh 2	35	Toán, Văn, Tin học	Vật lí, Hóa học, Sinh học, Tin học
15	10 Pháp 1	35	Toán, Văn, Tin học	Vật lí, Hóa học, Tin, Âm nhạc
16	10 Pháp 2	35	Toán, Văn, Tin học	Vật lí, Hóa học, Tin, Mỹ thuật
17	10 Nhật	35	Toán, Văn, Tin học	Vật lí, Hóa học, Tin, Mỹ thuật
18	10 Hàn	35	Toán, Văn, Tin học	Vật lí, Hóa học, Tin, Âm nhạc
19	10 Trung	35	Toán, Văn, Tin học	Vật lí, Hóa học, Tin, Mỹ thuật
	19 lớp	665	06 tổ hợp chuyên đề học tập	07 tổ hợp môn học lựa chọn

Nơi nhận:

- CBGVNV nhà trường;
- Đăng Website nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Nhiếp